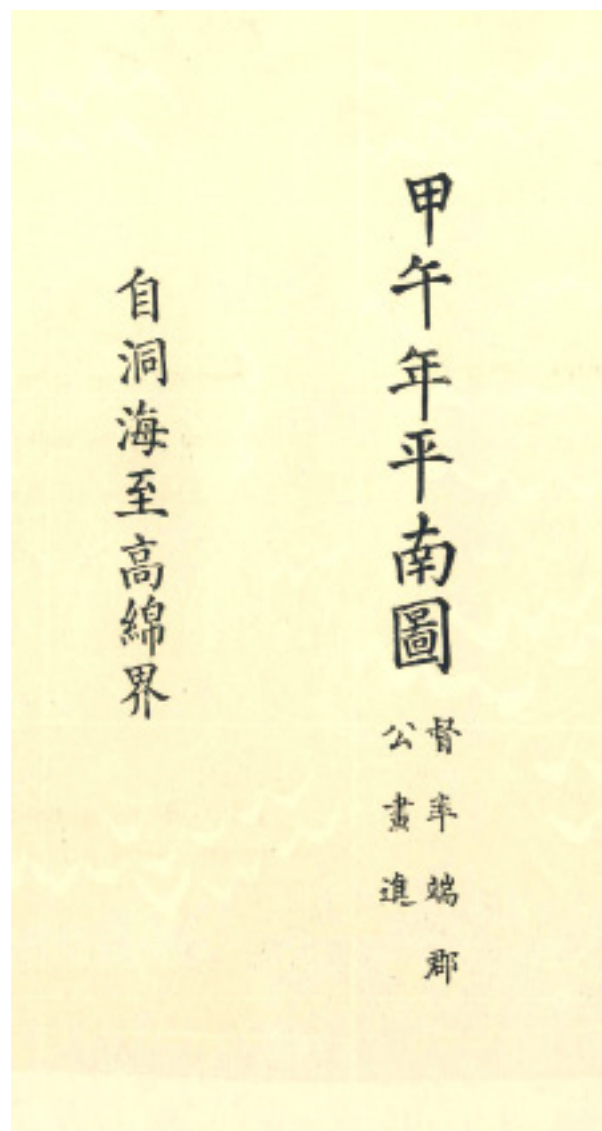




GIÁP NGỌ NIÊN BÌNH NAM ĐỒ

(Đốc suất Đoan quận công họa tiến).

Tự Đồng Hới chí Cao Miên giới.

BẢN ĐỒ DẪP YÊN MIỀN NAM NĂM GIÁP NGỌ

(Đốc suất Đoan quận công⁽¹⁾ vẽ dâng lên).

Từ Đồng Hới đến biên giới Cao Miên.

¹ Đoan quận công là tước của Đốc suất Bùi Thế Đạt.

[Địa danh trên bản đồ trang 91]

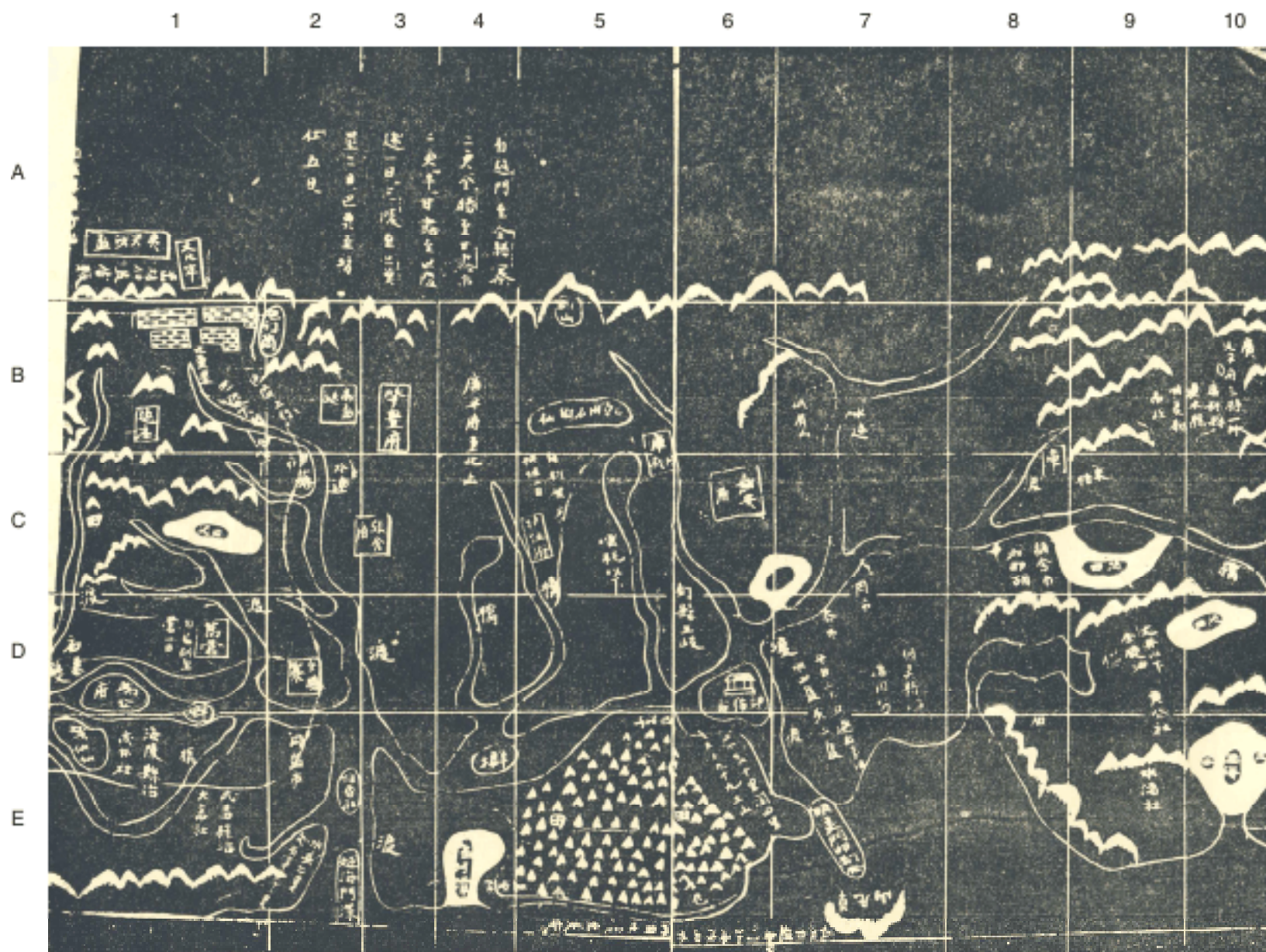
1. **B:** Mao Sơn dĩ hạ [dưới đây là núi Mao Sơn]; **C:** Đại Sơn - Đây hiệu Lao Sơn [Đây gọi là Lao Sơn]; **E:** Vực Du Du.
2. **C:** Khố - Đò Dâu; **D:** Kiểu - Ông Bồn miếu; **E:** Nê [Bùn] - Hồ Sen - Nê - Liên Hạ.
3. **B:** Khố - Phủ - Trạm Bộ dinh; **C:** Trạm Thủy dinh - Kiểu; **D:** Phò Tông phủ⁽¹⁾ - Hỏa hiệu [đồn báo động bằng lửa, khói].
4. **A:** Tiên Bình kim danh Quảng Bình - Điền; **B:** Điền - Đò - Nhà Phan xã - Quảng Bình phủ trị - Lèn Tam Sơn - Điền - Điền; **C:** Lệ Thủy huyện trị, Kẻ Tréo xã⁽²⁾ - Khang Lộc huyện trị, Quy Hậu xã⁽³⁾ - Miếu - Thiên Lộc thị - Nê điền... Phá trường ngũ lý, khoát nhị lý - Nê điền; **D:** Phủ - Long Vương miếu - Thập dinh [dinh Mười]; **D-E:** Tiền Chiêu Vũ hầu [Nguyễn Hữu Dật] thống suất thập tam cơ - Tiệp Nhất cơ - Hữu Tiệp cơ - Tân Thắng cơ - Tiền Tiệp cơ - Tả Tiệp cơ; **E:** Hỏa hiệu - Hỏa hiệu - Hỏa hiệu - Hỏa hiệu.
5. **A:** Mã Yên sơn; **B:** Lôi Khê - Thủy Tuấn; **C:** Khố - Cuộc thị - Nguyễn thôn - Đại Giang - Cồn Dương - Nê điền thâm [Ruộng bùn sâu]; **D:** Phủ - Võ Xá thị; **E:** Hậu Nhuệ cơ binh nhị bách ngũ thập nhân - Hữu Nhuệ cơ binh nhị bách ngũ thập nhân - Trung Nhuệ cơ binh nhị bách ngũ thập nhân - Tả Nhuệ cơ binh nhị bách ngũ thập nhân - Tiền Nhuệ cơ binh nhị bách ngũ thập nhân.
6. **A:** Đầu Mâu sơn; **B:** Cự Khê nguyên [nguồn khe lớn]; **C:** Mỹ Cương xã - Đò; **D:** Kiểu để hải đạo chu nhị thập chích [dưới cầu có 20 thuyền hải đạo]; **E:** Tuấn thủ dinh.
7. **B:** Ông Hồi uyên [Vực Ông Hồi] - Súng - Đới lũy - Ông Hồi lũy - Súng - Động Cây Sên - Động Cây Mít - Động Cây Kỷ - Động Cây Khế - Mũi Nạy lũy - Nhất đài tam súng - Nhất đài tam súng - Lũy Môn dinh, binh tứ bách nhân; **D:** Nhất đài tam súng; **D-E:** Tự Kiểu - Nhật Lệ hải môn, thâm.
8. **B:** Thành Khê sơn - Phù Lâm; **C:** Đòn Võng lũy - Sa Đồi lũy - Kiểu - Chính Thủy xã - Chính Thủy lũy - Trường Sơn - Cẩm Lễ; **D:** Đồng Hới lũy - An Thái - Mỹ Cương - Đức Phổ - Bố Chính châu; **E:** Dinh - Thuộc binh bách nhân, Trung Tiệp cơ nhất bách ngũ thập nhân - Đoan Công miếu.

¹ Phò Tông: tên làng ở huyện Lệ Thủy, nay là thôn Phò Chánh.

² Tên Nôm của làng Cổ Liễu, nay thuộc thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

³ Nay thuộc xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.





Từ Việt Môn chí Toàn Thắng trại nhị canh; Toàn Thắng chí Cam Lộ thị nhị canh bán; Cam Lộ thị chí Ba Lăng tuần nhất nhật; Ba Lăng chí Ba Ngự lũy nhị nhật; Ba Ngự chí phường Sãi ngũ nhật.

Từ cửa Việt đến trại Toàn Thắng đi 2 canh; từ Toàn Thắng đến chợ Cam Lộ đi 2 canh rưỡi; từ chợ Cam Lộ đến tuần Ba Lăng đi 1 ngày; từ Ba Lăng đến lũy Ba Ngự đi 2 ngày; từ Ba Ngự đến phường Sãi đi 5 ngày.

[Địa danh trên bản đồ trang 92]

1. **A:** Di tiêm Sa Bôi [Dân man nguồn Sa Bôi] - Bình Sơn phường Sãi dân cư phiên [Bình Sơn, phường Sãi, dân cư buôn bán] - Đại Hoàn Lao⁽¹⁾; **B:** Tuần Trang - Ba Ngự lũy - Ba Lăng hạ hàng [Ba Lăng hàng dưới]; **C:** Diên - Nê diên; **D:** Miếu mộ - Đò - Đoan Công phủ - Cát dinh - Tự Nhà Hồ chí dinh nhất nhật - Đò; **D-E:** Cồn; **E:** Vực Tiên Tiên - Hải Lăng huyện trị, Võ Lâm xã - Kiều - Võ Xương huyện trị, Đại Cao xã.
- 1-2. **B-C:** Diên dĩ hạ [Dưới đây là ruộng].
2. **B:** Ba Môn động - Ba Lăng thượng hàng [Ba Lăng hàng trên] - Cao Bôi xứ; **C:** Cam Lộ thị - Thủy tuần; **D:** Toàn Thắng trại; **E:** Đồng Giám thị - Thủy binh - Nhị chích xứ hữu sự thập nhị chích [Nơi đỗ 2 thuyền thủy binh, khi hữu sự 12 chiếc] - Duy Phiên xã - Việt hải môn, thâm.
3. **B:** Triệu Phong phủ; **C:** Trương Xá phủ; **D:** Đò; **E:** Đò.

4. **B-C:** Quảng Bình phủ chí thủ chỉ [Đến đây hết phủ Quảng Bình]; **D:** Kiều; **E:** Cồn - Diêm Hà đàm - Mỹ An xã.
5. **A-B:** Tổ Sơn; **B:** Càn diên danh Cồn Tiên [Ruộng khô tên là Cồn Tiên]; **B-C:** Kho Đồng Hiển; **C:** Tự Tân An chí Phù Nhậm nhất nhật - Phù Nhậm phủ - Bãi Hoa dĩ hạ - Kiều; **E:** Ba Lịch sơn - Diên - Nội tự Thủy Khê chí Mỹ An [Trong từ Thủy Khê đến Mỹ An].
6. **C:** Tân An phủ; **D:** Ngã ba Cửa Huyện - Đò - Hồng Đức miếu; **E:** Thủ địa trường thập lý, khoát tứ lý, đại tiểu cửu thập cửu thổ sơn [Đất này dài 10 dặm, rộng 4 dặm có 99 hòn núi đất lớn nhỏ] - Diên - Nê diên - Trường sa tự Việt hải môn ngoại hải sa nội lâm [Bãi cát dài từ cửa Việt, ngoài là cát biển, trong là rừng].
7. **B:** Nga My sơn - Thủy tuần; **D:** Châu thị - Công thị - Bình nhật tam thập binh tuần, hữu sự dụng thủy tứ chích, bộ nhị chích [Ngày thường 30 lính tuần, khi có việc dùng 4 thuyền lính thủy, 2 thuyền lính bộ] - Minh Linh huyện trị, Hậu Chu phường; **E:** Minh Linh môn, tức Cửa Tùng - Thảo Hòn sơn [Hòn Cỏ, tức đảo Cồn Cỏ].
8. **C:** Khố - Đò - Hồ Xá thị tức chợ Nhà Hồ; **D:** Miếu.
9. **B:** Minh Linh huyện - Nam Chính châu; **C:** Lai Cách - Nê diên; **D:** Đại lâm dĩ hạ toàn tùng du [Từ đây trở xuống là rừng già, toàn lấy dầu] - Hoàng Công xã - Thủy Chủ xã.
10. **B:** Hạ - Quảng - Tiên Bình phủ tam huyện nhất châu (Khang Lộc huyện, Lệ Thủy huyện, Minh Linh huyện - Nam Chính châu) **C:** Kiều; **D:** Nê diên; **E:** Nê diên - Hạc Hải.

¹ Có thể là một danh xưng thời ấy chỉ mừng Lạc Hòn của Lào.

Tự Đá Hàn khố hành thuyền chí Ba Lăng tuần nhất nhật.

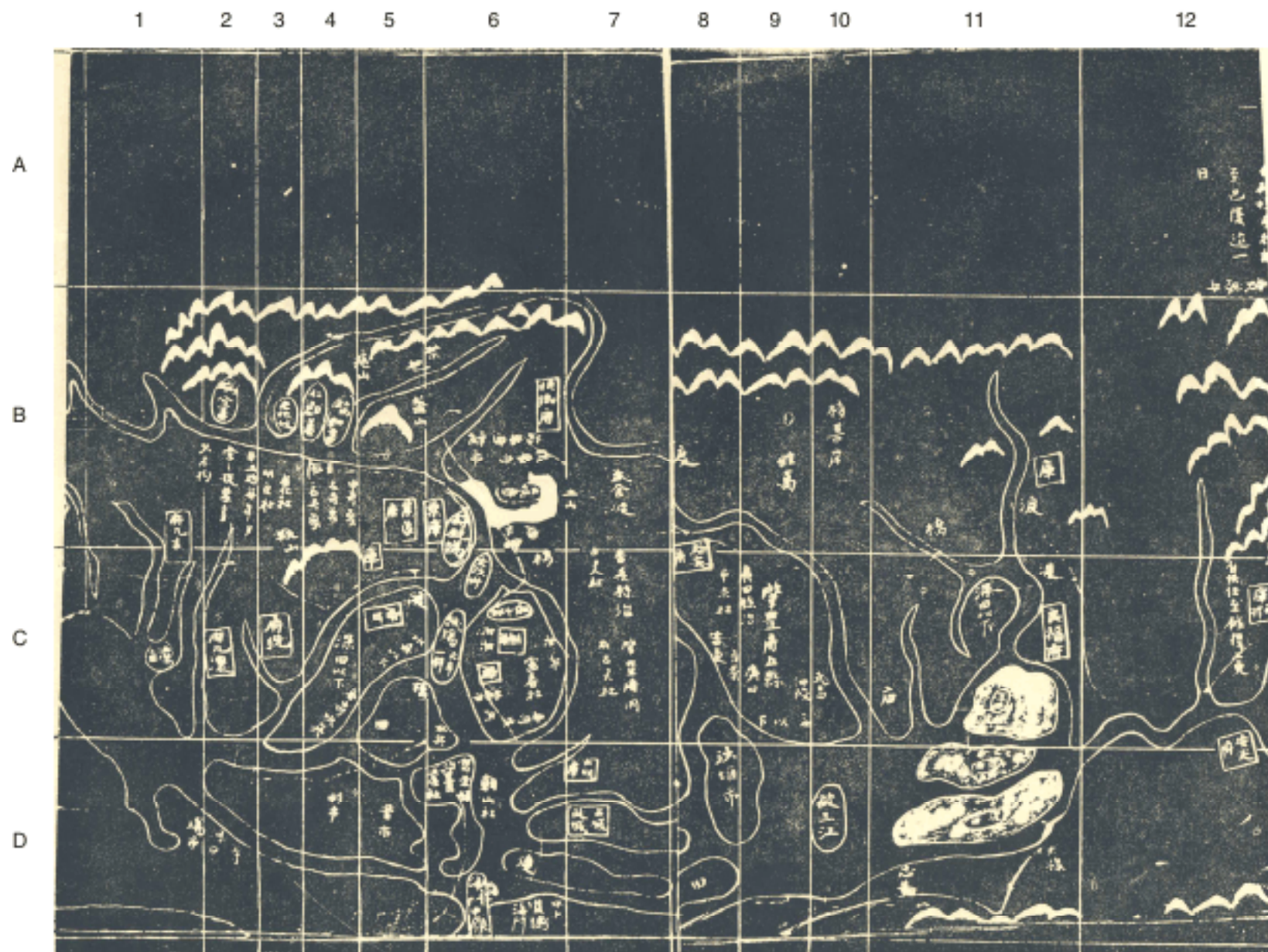
Từ kho Đá Hàn đi thuyền đến tuần Ba Lăng phải một ngày.

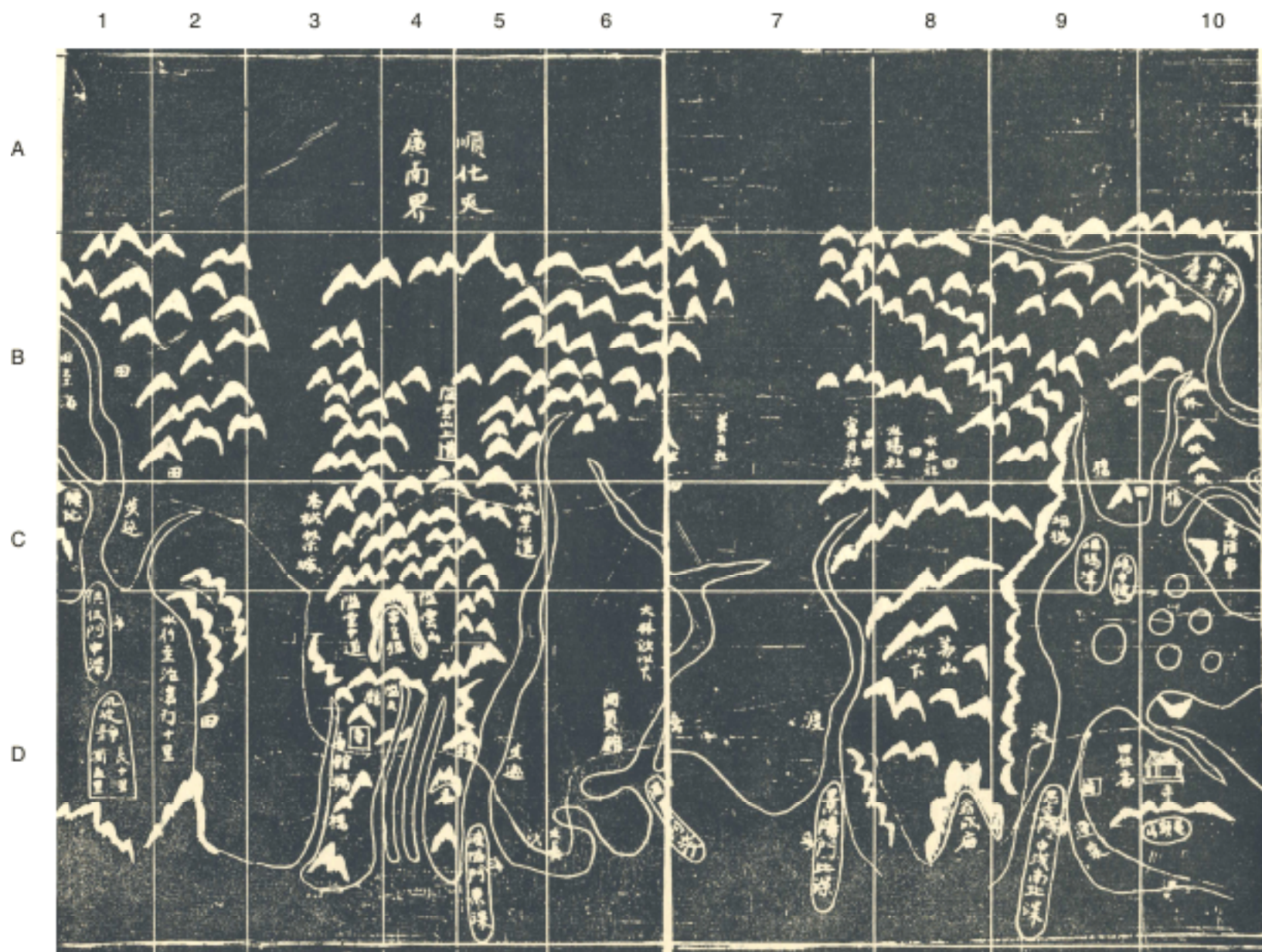
[Địa danh trên bản đồ trang 95]

1. **B:** Phủ Kẻ Truôi [phủ làng Truôi]; **C:** Đầm Đã⁽¹⁾; **D:** Trường thị [chợ Diêm Trường].⁽²⁾
2. **B:** Thụy Công mộ - Lâm, để xứ mỗi niên thường thường trốc tượng da thiếu bất câu [Rừng, nơi này mỗi năm thường bắt voi, nhiều ít không kể]; **C:** Phủ Kẻ Nông; **D:** Hà Trung tự.⁽³⁾
3. **B:** Lão Phi phần [Mộ bà lão Phi] - Minh Lương xã - Cư Hóa xã⁽⁴⁾ - Bình Sơn.⁽⁵⁾; **C:** Phủ Săn.⁽⁶⁾
4. **B:** Nhân quận mộ - Thụy quận mộ - Thủy tuần - Hữu Cơ tượng - Tả Cơ tượng - Trung Cơ tượng; **C:** Thâm điền dĩ hạ - Các cơ thủy binh; **D:** Sam thị.⁽⁷⁾
5. **B:** Đụn Sơn - Cẩm địa - Trản Sơn⁽⁸⁾ - Tập Tượng phủ - Khố; **C:** Phủ Cam - Đồ - Thủy binh dĩ hạ - Kiều - Điền; **D:** Phổ thị.⁽⁹⁾
6. **B:** Phủ Hương phủ - Xước thị⁽¹⁰⁾ - Hậu Tượng cơ - Tiền Tượng cơ - Thiên Mục tự - Túc khố - Chú sủng trường⁽¹¹⁾ - Hộ Nhân - Miếu; **C:** Kiều - Đại Sa Châu, thí trường lục niên nhất khoa⁽¹²⁾ - Thủy binh - Trưởng Tử doanh - Chính phủ - Binh - Binh - Phủ - Binh - Binh - Phú Xuân xã - Các cơ bộ binh - Dinh thị [chợ Dinh]; **D:** Phú Vang huyện trị, Dưỡng Mông xã⁽¹³⁾ - Triều Sơn xã⁽¹⁴⁾ - Noãn hải môn, trung thâm⁽¹⁵⁾ - Đồ - Thủy binh nhất chích tuần hải môn.
7. **B:** Thổ Sơn - Võ Xá độ⁽¹⁶⁾; **C:** Hương Trà huyện trị, Cổ Linh xã⁽¹⁷⁾ - Triệu Phong phủ đồng tại Cổ Linh xã [Phủ (lỵ) Triệu Phong cũng ở tại làng Cổ Linh]; **D:** Đại Minh khố - Chiêm Thành cố thành.⁽¹⁸⁾
8. **B:** Đồ; **C:** Phước Yên phủ - Thị Vĩnh xã [Chợ Cầu xã]⁽¹⁹⁾ - Phú Vang - Hương Trà; **D:** Sa Đôi thị - Điền.
9. **B:** Quán Cát; **C:** Quảng Điền huyện trị [Chợ Cầu xã] - Quảng Điền - Triệu Phong phủ ngũ huyện - Hải Lăng - Trang dĩ hạ [dưới đây là thôn trang].
10. **B:** Cây Chổi ngạn; **C:** Vũ Xương; **D:** Phá Tam Giang.
11. **B:** Kiều - Khố - Đồ; **C:** Đồ - Thâm điền dĩ hạ - Lương Phước phủ⁽²⁰⁾ - Miếu - Thâm điền; **D:** Thâm điền - Trung Cẩn - Đại Lộc.

12. **A:** Mạ tượng ngư [nơi bán voi và trâu]; **C:** Thủy tuần - Tự Phủ Nhậm chí Đá Hàn nhị canh - Kho Đá Hàn; **C-D:** An Tiêm phủ.⁽²¹⁾

- 1 Đầm Đã: tên một đầm lớn ở phá Hà Trung (đầm phá Tam Giang - Cầu Hai).
- 2 Nay tại xã Vinh Hưng, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- 3 Chùa Hà Trung tại làng Hà Trung, xã Vinh Hà, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- 4 Làng Cư Chánh, xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- 5 Núi Ngự Bình.
- 6 Phủ tạm nghỉ khi đi săn của chúa Nguyễn, nay không rõ địa điểm.
- 7 Túc chợ Sam ở làng Mỹ Lam, xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- 8 Núi Hòn Chén, ở làng Hải Cát, xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- 9 Chợ Phổ (chợ Nam Phổ) tại xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- 10 Chợ Xước Dũ tại xã Hương Hồ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- 11 Trường đúc súng, về sau là Phường Đúc, nay thuộc thành phố Huế.
- 12 Cồn Hến (Đại Sa Châu), nơi đặt trường thi 6 năm một khoa.
- 13 Làng Dưỡng Mông, xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- 14 Gồm các thôn Triều Sơn Đông, Triều Sơn Nam thuộc xã Hương Vinh, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- 15 Túc Cửa Eo, đã bị lấp.
- 16 Túc bến đò làng Văn Xá qua Hạ Lang (huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế).
- 17 Túc thôn Địa Linh, xã Hương Vinh, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- 18 Túc thành Hóa Châu ở xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- 19 Túc làng Phú Lương A, xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- 20 Phủ tại làng Lương Phước, nay là Lương Điền, xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.
- 21 Phủ tại làng An Tiêm, nay thuộc xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.





[Địa danh trên bản đồ trang 96]

1. **B:** Điền chí hải [ruộng ra tận biển] - Điền; **C:** Eo Bắc - Bộ tuần; **D:** Câu Đề hải môn, trung tâm, phong ba tĩnh, trường thập lý, khoát ngũ lý [cửa biển Câu Đề, sâu vừa, sóng gió yên, dài 10 dặm, rộng 5 dặm].
2. **B:** Điền; **D:** Thủy hành chí Đà Nông môn⁽¹⁾ thập lý - Điền.
3. **C:** Mộc giới cấm thành [mốc giới của cấm thành (?)]; **B:** Ải Vân trung đạo - Quán - Tự - Miếu - Quán Sướng - Kiều.
4. **A:** ...Quảng Nam giới; **D:** Ải Vân sơn thượng đạo - Sơn trung đa viên [trong vùng núi có nhiều vườn] - Ải Vân sơn - Ải Thiên - Miếu.
5. **A:** Thuận Hóa giáp Quảng Nam giới; **C:** Mộc giới cấm đạo [mốc giới của đường cấm (?)]; **D:** Kiều - Bộ tuần - Đò Ải hải môn⁽²⁾ đông tâm.

6. **D:** Đại trường sa - Chu Mãi quán - Đại lâm sa dĩ hạ [dưới đây là rừng già trong vùng cát] - Chu Mãi môn thiển.
7. **B:** Lâm - Mỹ Nha xã⁽³⁾ - Phú Nha xã⁽⁴⁾ - Điền; **D:** Kiều - Độ - Cảnh Dương hải môn, bắc tâm.
8. **B:** Thủy Dương xã⁽⁵⁾ - Điền - Thủy Cam xã⁽⁶⁾ - Điền; **D:** Mao Sơn dĩ hạ - Ông Thành miếu.
9. **B:** Điền - Kiều; **C:** Khu Voi⁽⁷⁾ - Khu Voi tân - Trường thị [chợ Diêm Trường] - Kiều; **D:** Đò - Tư Khách hải môn, trung thiển, nam bắc tâm - Phủ - Vận túc - Tứ Vị miếu.
10. **B:** Vực đàm thủ ngư tiến [Đầm sâu đánh cá dâng lên] - Lâm - Lâm - Lâm; **C:** Kiều - Cao Đồi thị⁽⁸⁾; **D:** Tự - Quy Đầu sơn.⁽⁹⁾

¹ Túc cửa biển Đà Nẵng.

² Cửa biển Đò Ải (dưới chân núi Hải Vân).

³ Đúng ra là Mỹ Gia, nay thuộc xã Lộc Tiến, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

⁴ Đúng ra là Phú Gia, cũng thuộc xã Lộc Tiến.

⁵ Ấp Thủy Dương, cũng thuộc xã Lộc Tiến.

⁶ Ấp Thủy Cam, xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

⁷ Túc làng Phước Tượng, xã Lộc Trì, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

⁸ Túc chợ Cầu Hai ở thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

⁹ Túc núi Rùa, tên chữ là núi Linh Thái, ở xã Vinh Hiền, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[Địa danh trên bản đồ trang 99]

1. **A:** Dân hoa [hoa màu của dân] - Viên - Điền; **B:** Dân cư điền - Điền dĩ hạ - Dân cư - **C:** Duy Xuyên huyện trị, Hà Lam xã - Hồ - Hà Bá - Sài tân [thuộc làm củi] - Thương nhân [thuộc buôn bán]; **D:** Độ - An Hòa hải môn, trung tâm.
2. **A:** Tàu Sơn - Phúc Lộc xã; **B:** Đại Nham xã - Điền - Long Hàm tự - Thị; **C:** Thăng Hoa phủ tứ huyện bát thuộc [Phủ Thăng Hoa, 4 huyện 8 thuộc] - Đầm - Sơn Dục - Vồng Nhi - Chu Tượng - Liêm Hộ - Hoa Châu thuộc - Tân An - Duy Xuyên.
3. **A:** Vũng Thang - Trung Phước xã - Điền - Tổ mộ - Trà Luân xã - Khố - Vật Danh [?] - **C:** Điền - Độ - Hà Đông - Lễ Dương; **D:** Đại trường sa dĩ hạ [Dưới đây là trắng cát dài rộng].
4. **A:** Thử sơn Hồng Đức lập bi [núi này vua (Lê) Hồng Đức dựng bia]; **B:** Chiêm Thành tổ mộ [mộ tổ của vua Chiêm Thành] - Điền - Khố - Dục túc tinh quý [dục liệu đủ và quý] - Hiền mẫu tổ mộ⁽¹⁾; **C:** Điền - Kiều - Kiều.
5. **B:** Đò - Tự; **C:** Đông An xã - Thổ sa - Thổ sa - Cồn; **D:** Tàu Đế xã - Đại Chiêm môn⁽²⁾ thâm đại - Vũng Cù xã - Cù Lao xã - Điền.
6. **A:** Quy Tượng; **B:** Bàn Lãnh phủ - Hà Đông huyện⁽³⁾ tại Cô Nhi xã - Đò; **C:** Kiều - Chiêm dinh - Hà Thanh đàm - Hội An khố - Quán Bến; **D:** Họa phả sai [vẽ lại sai (?)] - Hội An đàm - Miếu - Miếu - Tự; **E:** Tiêm Bút sơn.
7. **B:** Điện Bàn phủ trị, Bất Nhị xã - Kiều; **C:** Điện Bàn phủ tứ huyện nhất châu, hữu phủ nhiệm, vô huyện nhiệm [Phủ Điện Bàn 4 huyện 1 châu, có phủ kiêm nhiệm, không có huyện kiêm nhiệm] - Phúc Thuộc châu - Diên Khánh huyện - An Nông huyện - Hòa Vang huyện; **D:** Thử sơn tại giang trung [núi này ở bên trong sông] - Am - Tự.
8. **B:** Điền; **C:** Tân Phúc huyện - Đà Ly xã; **D:** Am - Tự.
9. **A:** Đại Điền cấm nhập [vùng Đại Điền, cấm vào]; **B:** Vũng Nước Nóng; **C:** Lễ Dương huyện trị [Đà Ly xã]; **D:** Am - Non Nước sơn tam đỉnh.
10. **A:** Nguồn Bào cận Ai Lao quốc; **B:** Nguồn Cây Đào; **D:** Túc khố thất thập gian - Túc khố thất thập gian - Túc khố thất thập gian - Vũng Nam.
11. **B:** Trung Sơn xã; **C:** Eo Gió - Tân Mỹ xã - Phúc Minh xã - Hàn thị; **D:** Bà Thân xã - Sơn Trà sơn.
12. **A:** Tổ Sơn - Nguồn Vị Đông⁽⁴⁾; **B:** Trà Sơn - Vinh Sơn - Nguồn Vị Đông; **C:** Đà Sơn; **D:** Đà Nông hải môn,⁽⁵⁾ thâm đại - Vũng Bắc.

¹ Mộ bà nội chúa Hiền, tức bà Đoàn quý phi.

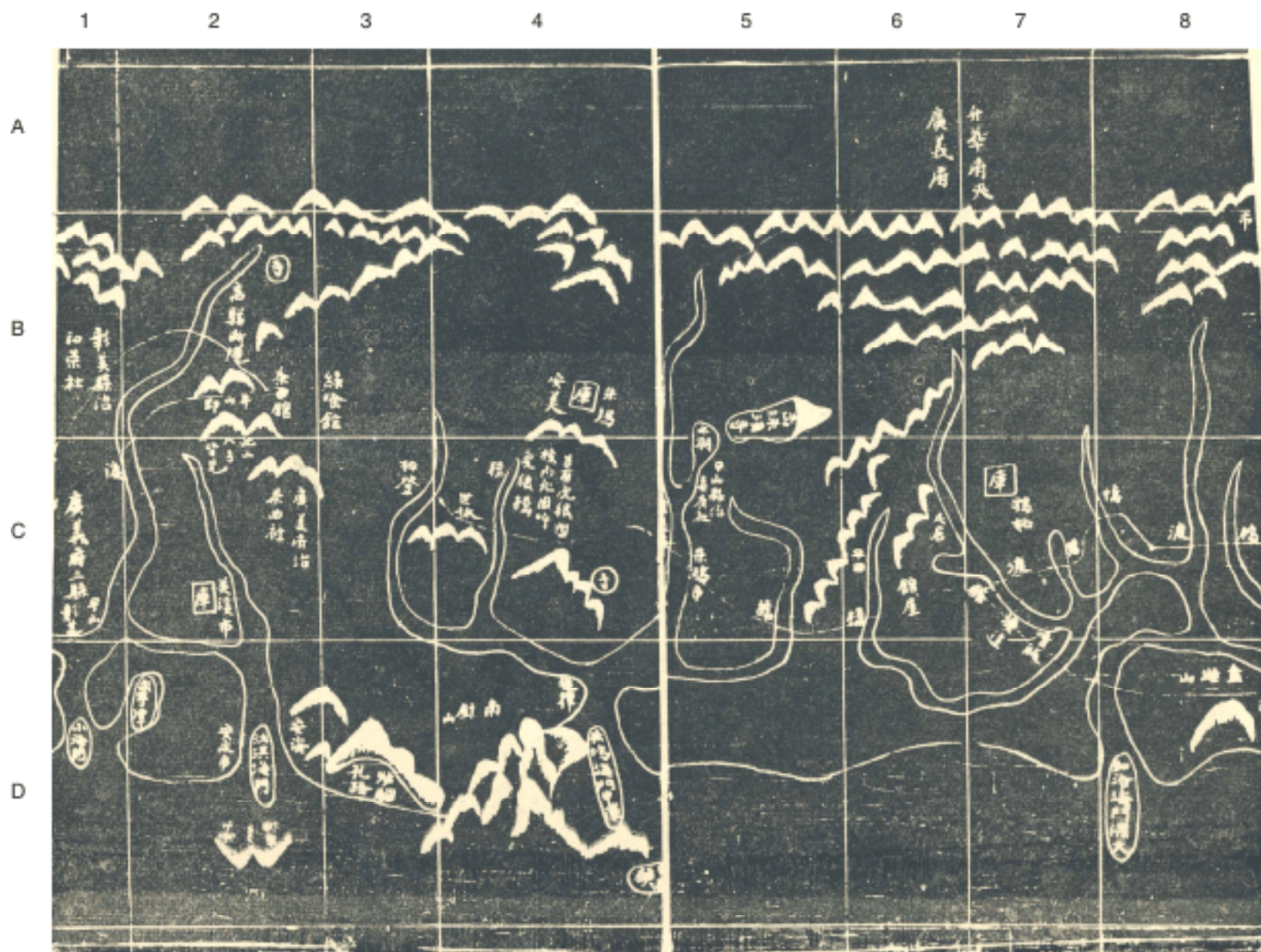
² Cửa Đại Chiêm, tức cửa Đại, nay thuộc thành phố Hội An.

³ Huyện Hà Đông, về sau là thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

⁴ Đúng ra là nguồn Lỗ Đông.

⁵ Cửa biển Đà Nẵng.





[Địa danh trên bản đồ trang 100]

1. **B:** Chương Mỹ huyện trị, Hòa Vinh xã; **C:** Độ - Quảng Nghĩa phủ tam huyện - Chương Nghĩa - Bình Sơn...; **D:** Tiểu hải môn.
2. **B:** Tự - Cao Biền đoạn lũng [các lũng sâu do Cao Biền đào phá] - Bút Sơn Ấn [Bút Sơn và Ấn Sơn, tức là núi Thiên Ấn và núi Thiên Bút ở Quảng Ngãi] - Trà Khúc quán; **C:** Thử sơn bát phương giai kiến [núi này cả 8 phương đều thấy] - Khố - Mỹ Khê thị - Quảng Nghĩa phủ trị, Trà Khúc xã; **D:** Vĩnh Ninh đàm - An Vĩnh thị - Sa Kỳ hải môn - An Hải - Thử sơn đa hữu du [núi này có nhiều cây dầu].
3. **B:** Lục Gầm [Ngâm] quán; **C:** Cầu Đăng; **D:** Lò Rượu Khổng Lồ.⁽¹⁾
4. **B:** An Mỹ - Khố - Châu Ổ; **C:** Thế Cô - Kiều - Cựu hữu hổ lang phụ kiều nhi tử, nhân hô Hổ Lang kiều [xưa có cọp và chó sói đồ cầu mà chết, nên gọi là cầu Hổ Lang] - Tự; **D:** Nam Châm sơn - Tùng Luật - Châu Ổ hải môn, trung thâm - Khoáng.
5. **B:** Thổ sơn - Lục Thanh tự; **C:** Thủy triều - Bình Sơn huyện trị, Thái Khang xã - Châu Ổ thị - Kiều.
6. **A:** Quảng Nghĩa phủ; **C:** Bình Điền - Kiều - Quán Ốc - Dân cư.
7. **A:** Thăng Hoa phủ giáp [Quảng Nghĩa phủ]; **C:** Khố - Quán - Gà Đố - Độ - Kiều; **D:** Đò đưa - Bến Ván.
8. **B:** Thị - ...dĩ hạ; **C:** Kiều - Độ - Kiều; **D:** Hòa Hợp hải môn⁽²⁾ thâm đại - Bàn Duy sơn - Sa.

¹ Truyền thuyết giải thích về các ngọn núi ở cửa biển Sa Kỳ: “Ngày xưa ông Khổng Lồ dựng lò nấu rượu ở mũi An Vĩnh, đó là một hang đá lớn chồm ra Biển Đông. Vì gió luồn vào bật lửa, nên ông hốt tro than đổ ra ngoài biển, làm nên ngọn núi Bàn Than để chắn gió. Ông còn gánh hai quả núi về chắn thêm, nhưng đứt giống làm rơi xuống, đó là Núi Rằm (xã Tịnh Hòa) và Núi Ngang ở cửa Cổ Lũy (xã Tịnh Khê). Bàn chân ông lún xuống đá núi, nay vẫn còn dấu chân ở núi Đồng Danh và núi An Vĩnh” (Theo Huỳnh Ngọc Trảng. “Tản mạn từ câu chuyện ông Khổng Lồ ở quê tôi”, trong *Văn hóa biển miền Trung và văn hóa biển Tây Nam Bộ*, Nxb Từ Điển Bách Khoa, 2008).

² Còn gọi là cửa biển Đại Áp, nay gọi là cửa Hiệp Hòa, nhận nước của hai con sông Bến Ván và Tam Kỳ đổ ra biển.

[Địa danh trên bản đồ trang 103]

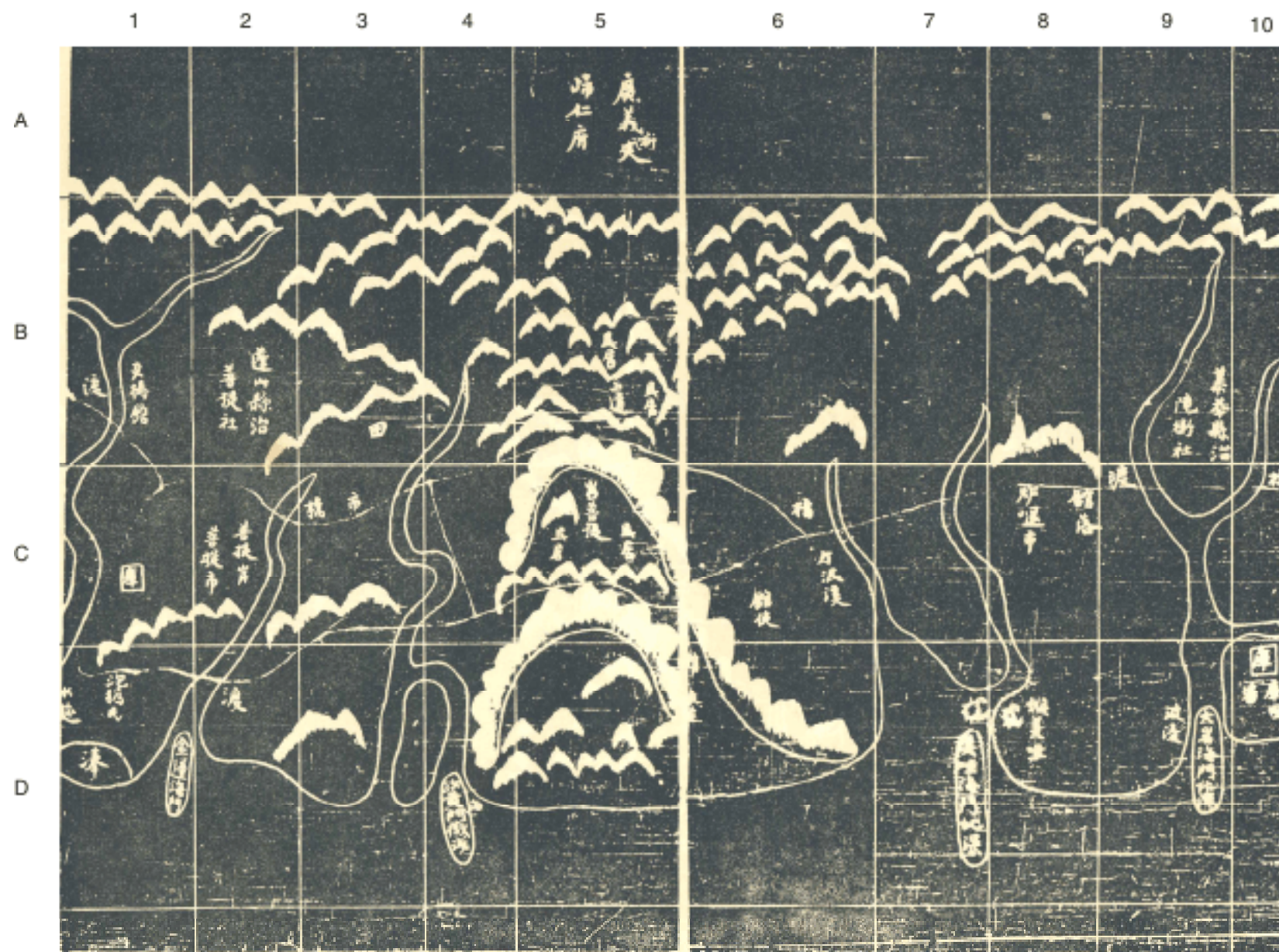
1. **B:** Độ - Canh Dương quán; **C:** Khố; **D:** Thủy tuần - Bàu Voi - Dân [cư] - Vững - Kim Bồng hải môn.⁽¹⁾
2. **B:** Bồng Sơn huyện trị - Bồ Đề xã; **C:** Bồ Đề thị - Bồ Đề ngạn; **D:** Độ.
3. **B:** Diên; **C:** Kiều - Thị.
4. **D:** Sa Huỳnh hải môn,⁽²⁾ vi thiển.
5. **A:** Quảng Nghĩa phủ giáp Quy Nhơn phủ; **B:** Dân cư - Thượng đạo - Dân cư; **C:** Dân cư - Đèo Bồ Đề - Dân cư.
6. **C:** Quán Sứ - Kiều - Nãi Dẫn khê; **D:** Quán - Bộ tuần.
7. **D:** Mỹ Á hải môn,⁽³⁾ bắc thâm.
8. **C:** Lò Thổi thị - Quán Lạc; **D:** Cửa Mỹ Á.
9. **B:** Mộ Hoa huyện trị, Sông Vệ xã; **D:** Ba Lăng - Đại Nham hải môn,⁽⁴⁾ bắc thâm.
10. **C:** Kiều - Mộ Hoa; **D:** Kho Đất Thắm.

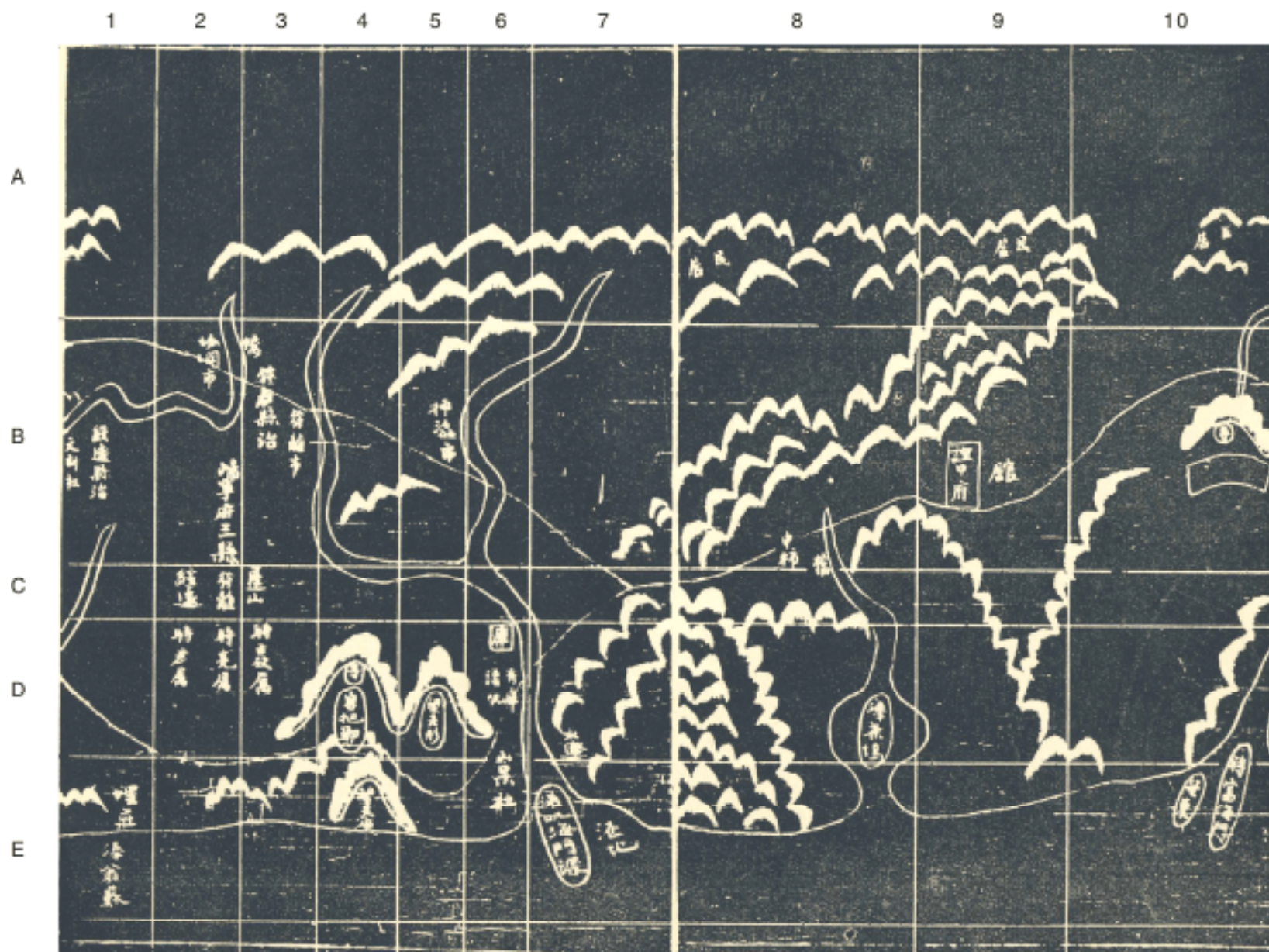
¹ Cửa biển Kim Bồng, nay thuộc huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

² Cửa biển Sa Huỳnh, nay thuộc huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

³ Cửa biển Mỹ Á, *Đại Nam nhất thống chí* gọi là Mỹ Ý, ở cách huyện Mộ Đức 45 dặm về phía đông, nay thuộc huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

⁴ Cửa biển Đại Nham, tức là cửa Đại Cổ Lũy (cửa sông Trà Khúc), nay thuộc tỉnh Quảng Ngãi.





[Địa danh trên bản đồ trang 104]

1. **B:** Tuy Viễn huyện trị, Văn Lăng xã; **E:** Bãi Trang - Vũng Ông Tô.
2. **B:** Gò Cương thị - Quy Ninh phủ⁽¹⁾ tam huyện; **C:** Tuy Viễn - Phù Ly;
D: Thì Ngạn thuộc - Thì Lượng thuộc.
3. **B:** Kiều - Phù Ly huyện trị - Phù Ly thị; **C:** Bồng Sơn; **D:** Thì Đôn thuộc.
4. **D:** Tự - Đèo Bả Nát; **E:** Vọng Phu miếu.
5. **B:** Tháp Suối thị; **D:** Vọng Phu hình.
6. **D:** Khố - Hiệu kho Nước Ngọt; **E:** Sơn Cảo xã.
7. **D:** Thủy tuần - Nước Ngọt hải môn,⁽²⁾ thâm - Rạch Bắc.
8. **A:** Dân cư; **B:** Trung thị - Kiều; **D:** Vũng Trà Ổ.
9. **A:** Dân cư; **B:** Nghị Trung phủ - Quán.
10. **A:** Đồng khố - Dân cư; **B:** Tự; **E:** Rạch Đông - Thì Phú hải môn.⁽³⁾

¹ Năm 1604, chúa Nguyễn Hoàng đổi phủ Hoài Nhơn làm phủ Quy Nhơn. Năm 1651, chúa Nguyễn Phúc Tần đổi phủ Quy Nhơn làm phủ Quy Ninh, đến năm 1742 chúa Nguyễn Phúc Khoát lại đổi thành Quy Nhơn.

² Cửa biển Nước Ngọt: tức cửa biển Đề Di ở đông bắc huyện Phù Cát, phía tây có đầm nước ngọt.

³ Phải chăng đây là cửa An Dụ (Dũ) ?

[Địa danh trên bản đồ trang 107]

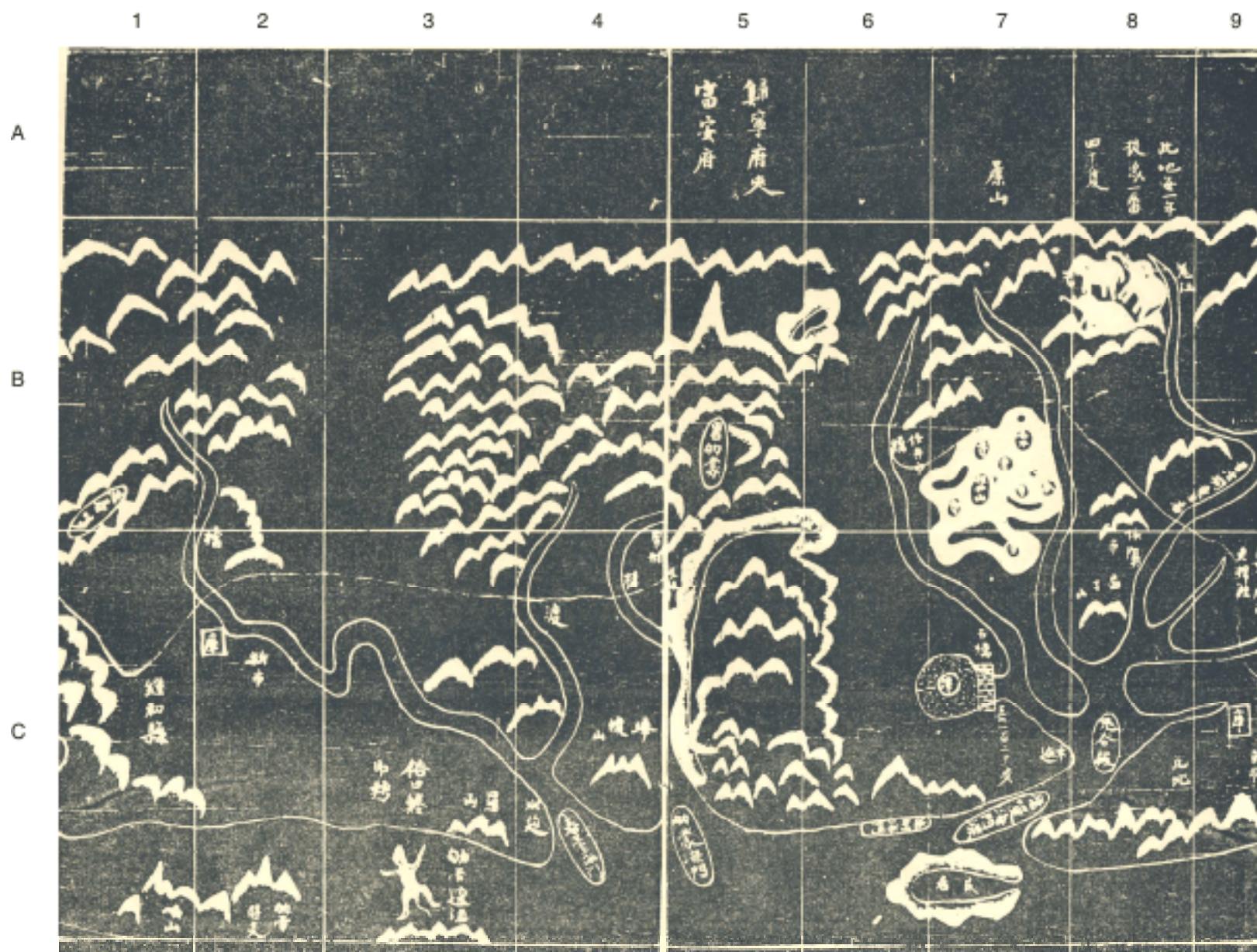
1. **B:** Nước tầm cay [?]; **C:** Tuy Hòa huyện - Di Sơn.
2. **C:** Kiều - Phố - Tân thị - Phù Linh - Cù lao.
3. **C:** Tục viết quyển tức ngạc [?] - La Sơn - Cù lao Mây Nước.
4. **C:** Độ - Thủy tuần - Chợ Giã - Kiều - Vũng Chích sơn - Xuân Đài hải môn.⁽¹⁾
5. **A:** Quy Ninh phủ giáp Phú Yên phủ; **B:** Đèo Cù Mông; **C:** Bộ tuần - Cù Mông hải môn.⁽²⁾
6. **B:** Kiều - Phật Tĩnh thị; **C:** Thi Nại hải môn.⁽³⁾
7. **A:** Giá Sơn; **B:** Tự - Tự - Phật Tĩnh sơn - Tự - Thạch Tĩnh - Tự - Tự - Tự - Tự; **C:** Đàm - Thạch kiều trường nhất bách nhị thập bộ - Thủy tuần - Nước Mặn hải môn,⁽⁴⁾ thâm - Dân cư.
8. **A:** Thử địa mỗi nhất niên tróc tượng nhất phiên tứ thập chích [nơi này mỗi năm bắt voi một lần 40 thớt]; **B:** Bông Giang; **C:** Hoài Dương thị - Xương Đình sơn - Quỷ Cốc điện - Kẻ Bắc.
9. **B:** Tích Kinh giản Long Vương miếu [khe Tích Kinh, có miếu Long Vương]; **C:** Quy Ninh phủ trị, Canh Hân xã - Khố - Càn Ngự.

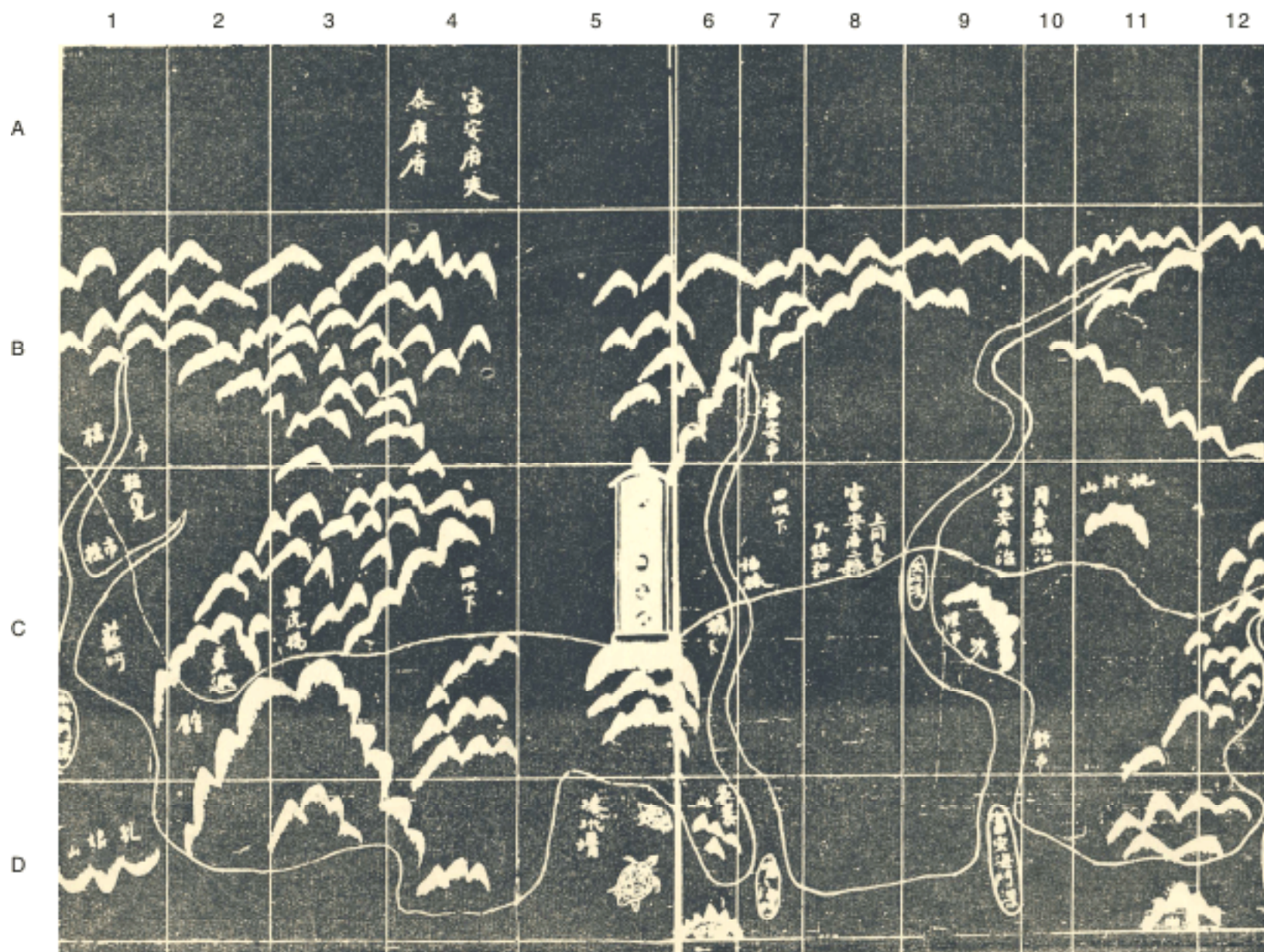
¹ Theo *Đại Nam nhất thống chí*, cửa biển Xuân Đài ở thôn Tiên Châu, phía đông huyện Đồng Xuân, trước gọi là Bà Đài, năm Minh Mạng thứ nhất đổi tên là Xuân Đài. Nay thuộc địa phận thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

² Cửa biển Cù Mông: ở thôn Vĩnh Cửu, phía bắc huyện Đồng Xuân, cửa rộng 95 trượng, sâu 4 trượng 5 thước (*ĐNNTC*). Nay thuộc địa phận thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

³ Tên cửa biển thuộc đầm Thi Nại, nơi đổ ra biển của Sông Côn, sông Đập Đá, sông Hà Thanh thuộc tỉnh Bình Định.

⁴ Cửa biển Nước Mặn là một cửa biển sát gần với cửa biển Thi Nại.





[Địa danh trên bản đồ trang 108]

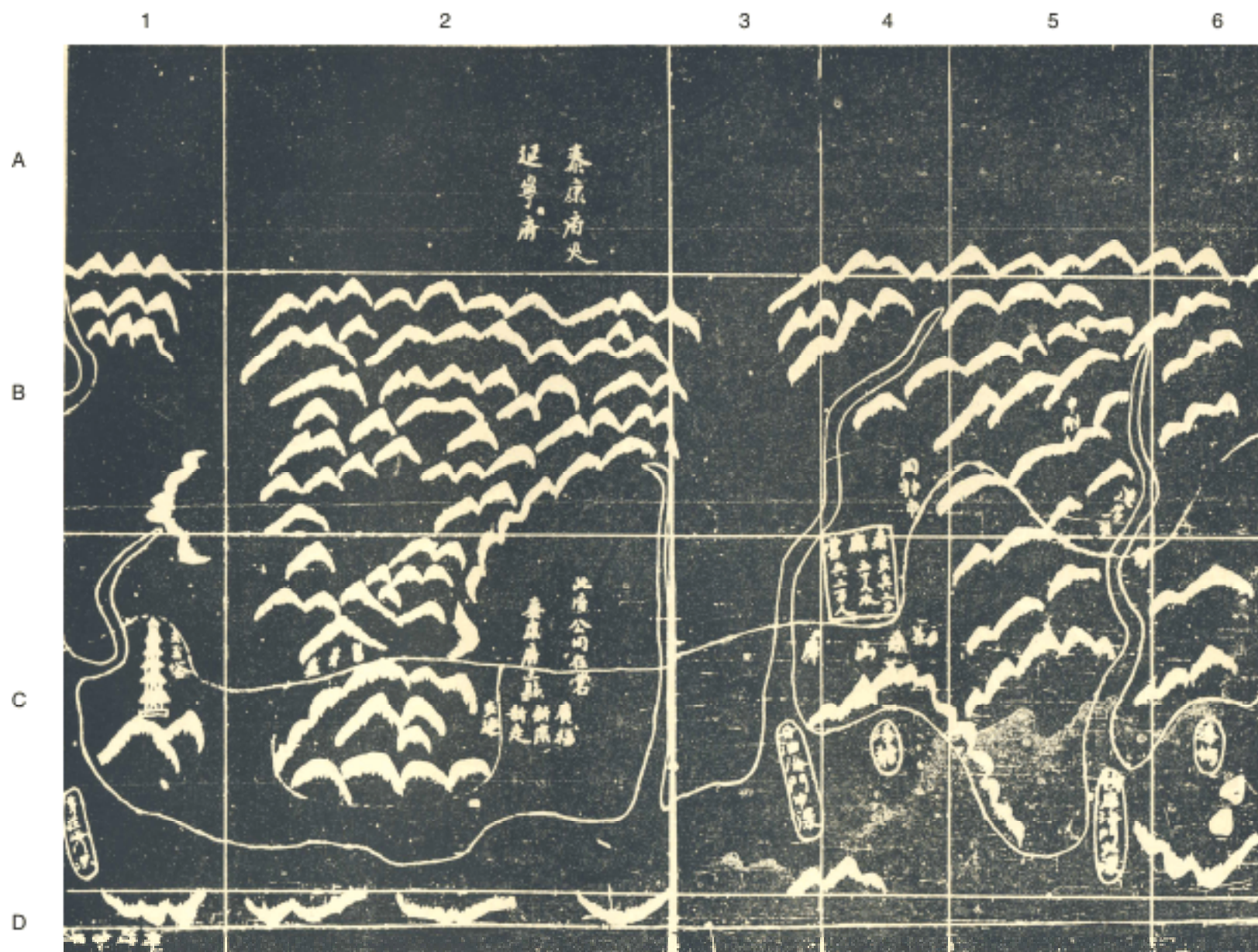
1. **B:** Kiều thị; **C:** Kiều thị - Tiểu hải môn, thâm - Cỏ Ống - Tô Hà [quen gọi là Tô Hà]; **D:** Nhữ Nương sơn.
2. **C:** Bộ tuần - Quán.
3. **C:** Đèo Hô Dương.
4. **A:** Phú Yên phủ giáp Thái Khang phủ⁽¹⁾; **C:** Điền dĩ hạ.
5. **C:** Hồng Đức lập thạch bi; **D:** Vững Đồi Mồi.
6. **C:** Phú Lộc - Kiều; **D:** Trà Nông sơn - [?] Lâm Sơn.
7. **B:** Phú Yên thị; **C:** Điền dĩ hạ - Phước Lâm; **D:** Rắn Rắn hải môn.
8. **C:** Phú Yên phủ nhị huyện: thượng Đồng Xuân, hạ Tuy Hòa.
9. **C:** Đại giang thiển - Mai thị - Sa - Phú Yên phủ trị; **D:** Phú Yên hải môn, thâm.
10. **C:** Đồng Xuân huyện trị - Hòm thị.
11. **C:** Cháp Trụ sơn; **D:** Lỗ Sơn.
12. **D:** Mây Nước hải môn.

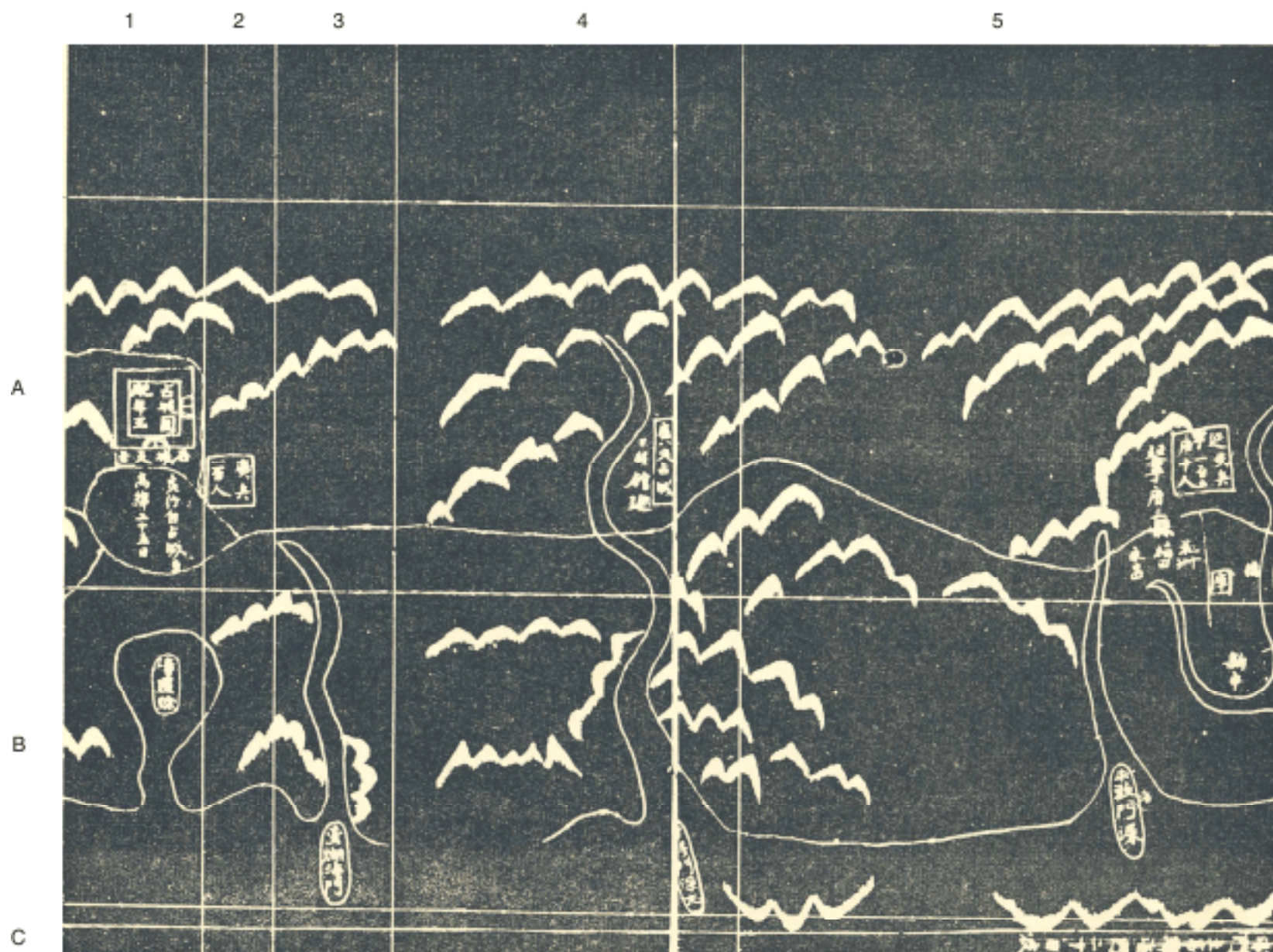
¹ Năm 1675, thời chúa Nguyễn Phúc Tần, đặt 2 phủ Thái Khang (lãnh 2 huyện Quảng Phúc, Tân Định) và Diên Ninh (lãnh 3 huyện Phúc Điền, Vĩnh Xương, Hoa Châu), lại đặt dinh Thái Khang. Năm 1690, đổi phủ Thái Khang làm phủ Bình Khang. Các địa danh Quy Ninh, Thái Khang và Diên Ninh cho thấy, rất có thể *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ* được vẽ dựa trên một bản đồ xứ Đàng Trong đã có trước đó.

[Địa danh trên bản đồ trang 111]

1. **C:** Chúa Ngọc tháp - Nha Trang hải môn, thâm; **D:** Chu hành tự Nha ...
[Trang hải môn chí Cao Miên hải môn nhị thập nhật dạ].
2. **A:** Thái Khang phủ giáp Diên Ninh phủ; **C:** Đèo Nha Trang - Bộ tuần - Thái Khang phủ tam huyện:⁽¹⁾ Quảng Phúc, Tân Khang, Tân Định - Thủ phủ công đồng tại dinh [Phủ này cùng làm việc tại dinh].
3. **C:** Khố - Nha Du hải môn, trung thâm.
4. **B:** Đồng Giữa thị; **C:** Thái Khang dinh: bộ binh nhị bách ngũ thập nhân, thủy binh nhị bách nhân - Hoa Đăng sơn - Vũng Tàu.
5. **B:** Trung Cương - Sông Ngang thị; **C:** Trúc Tịch hải môn, thiếu thâm - Kiều.
6. **C:** Vũng Sò.

¹ Theo *ĐNNTC*, phủ Thái Khang lãnh 2 huyện Quảng Phúc và Tân Định, xem thêm chú 1, trang 109.





[Địa danh trên bản đồ trang 112]

1. **A:** Chiêm Thành quốc Phối Niên vương - Thạch thành thiên tạo - Bộ hành tự Chiêm Thành chí Cao Miên nhị thập ngũ nhật; **B:** Vũng La Xa.
2. **A:** Quảng binh⁽¹⁾ nhất bách nhân.
3. **B:** Man Lang hải môn.⁽²⁾
4. **A:** Cam Tinh - Quán - Tuần - Quảng giáp Chiêm Thành [(xứ) Quảng giáp với Chiêm Thành]; **B:** [Cam] Tinh môn⁽³⁾ thâm đại.
5. **A:** Diên Ninh phủ tam huyện: Hoa Châu, Phúc Điền, Vĩnh Xương - Diên Ninh phủ - Bộ binh nhất bách ngũ thập nhân - Khố - Kiểu; **B:** Vĩnh Hoan hải môn, thâm - Tân thị; **C:** Nha Trang hải môn chí Cao Miên hải môn nhị thập nhật dạ.

¹ Quảng binh: lính Quảng Nam, chỉ quân đội Đàng Trong.

² Cửa biển Man Lang tức cửa biển Phan Rang.

³ Cửa Cam Tinh tức cửa Cam Ranh.

[Địa danh trên bản đồ trang 115]

1. Xích Lam hải môn, trung thiển.
2. Pha Ly hải môn, trung thiển.
3. Cạn hải môn, trung thiển.
4. Thử xứ dân cư đa [nơi này nhiều dân cư] - Phố Đài thị.
5. Phố Đài hải môn, trung thâm.
6. Mỗi niên ngũ nguyệt nhật, chúng ngư triều tháp [Mỗi năm vào ngày tháng 5, các loài cá châu vào tháp]
7. Man Lý hải môn.

Chiêm Thành giáp Cao Miên giới.

Thử giang phát nguyên tự nội địa Vân Nam tỉnh, đạt Tây Lự quốc, thông Hưng Hóa xứ, Ninh Biên châu, quá Vạn Tượng quốc, chí thử tức Khung Hà dã.

Nước Chiêm Thành giáp biên giới Cao Miên.

Con sông này khởi nguồn từ tỉnh Vân Nam ở nội địa Trung Quốc, chảy đến nước Tây Lự,⁽¹⁾ thông qua châu Ninh Biên đất Hưng Hóa, chảy ngang qua nước Vạn Tượng, đến đây tức là Sông Khung [sông Mê Kông].

[Địa danh trên bản đồ trang 116]

1. **C:** Quyển chung.
2. **B:** Thành Cồn xứ; **E:** Cao Miên môn, thâm đại.
3. **B:** Đế Thiên Đế Thích điện, tự Tam giới tứ phủ [Điện Đế Thiên Đế Thích (Angkor Thom và Angkor Vat) thờ bốn cõi ở Tam giới] - Hạc Hải; **C:** Nặc Thu thành; **D:** Tự - Cao Miên quốc - Trung Quốc Quảng Đông nhân trú.

4. **C:** Nặc Nộn thành; **D:** Quảng binh tam chích [ba chiếc thuyền lính Quảng Nam] - Ba Vinh phố - Trung Quốc Phúc Kiến nhân trú - Tự; **E:** Mỹ Tho môn, thâm đại.
5. **B:** Vua Lửa; **C:** Mỗi nguyệt dạ thường kiếp Cao Miên quốc sứ giả cống Quảng giả [Mỗi tháng, ban đêm thường cướp bóc sứ giả nước Cao Miên đi cống cho Quảng Nam (?)]; **D:** Thử giang thâm đại, Cao Miên sứ Quảng dụng tra tải tượng [Sông này sâu rộng, sứ giả Cao Miên đi cống Quảng Nam thường dùng bè chở voi].
6. **B:** Thử giang thông Vạn Tượng quốc - Đại lâm sơn chí hải [núi và rừng già kéo tới biển] - **E:** Nước Lộn hải môn, thâm đại.
7. **D:** Điền dĩ hạ - Đồng Nai xứ, Hà Tôm xã thủy đắc nhị thập nhân [Làng Hà Tôm thuộc xứ Đồng Nai, mới được 20 người].
8. **C:** Đại lâm sơn chí hải; **E:** Tắc Kế môn, trung thiển.

¹ Tên một nước ở vào khoảng hai tỉnh Vân Nam và Tứ Xuyên bây giờ. Chú theo bản của Viện Khảo cổ Sài Gòn.

